

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **106/2023/HS-ST**
Ngày: 29 - 5 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng và ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HS ngày 17/5/2023 đối với bị cáo:

Phạm Việt H, sinh năm 2001 tại Hải Phòng; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ liên lạc: Đường C, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không xác định) và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1974; Vợ: Lê Hồng T, sinh năm: 1998, có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 30/11/2022 đến ngày 06/12/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp bảo lãnh; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Bảo N, sinh năm 1998. Địa chỉ: B N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

+ Chị Bùi Thị Tuyết A, sinh năm 1973. Địa chỉ: A đường A, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do chị Lê Bảo N cần tiền để kinh doanh nên từ ngày 29/8/2022 đến ngày 06/11/2022, chị Lê Bảo N và Phạm Việt H đã thỏa thuận, H cho chị N vay nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 29/8/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi 200.000 đồng/ 01 ngày tương đương lãi suất 730%/năm, 10 ngày trả lãi 01 lần, H lấy trước 10 ngày tiền lãi là 2.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền phí vay, còn lại 6.500.000 đồng H chuyển khoản cho chị N. Đến ngày 17/10/2022, chị N đã trả cho H được 50 ngày tiền lãi là 10.000.000 đồng, còn tiền gốc chưa trả.

- Lần 2: Ngày 05/9/2022, H cho chị N vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi 400.000 đồng/ 01 ngày tương đương lãi suất 730%/năm, 10 ngày trả lãi 01 lần, H lấy trước 10 ngày tiền lãi là 4.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền phí vay, còn lại 13.000.000 đồng H chuyển khoản cho chị N. Đến ngày 06/11/2022 chị N đã trả cho H được 62 ngày tiền lãi là 24.800.000 đồng, còn tiền gốc chưa trả.

- Lần 3: Ngày 16/10/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi 200.000 đồng/ 01 ngày tương đương lãi suất 730%/năm, 10 ngày trả lãi 01 lần, H lấy trước 10 ngày tiền lãi là 2.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền phí vay, còn lại 6.500.000 đồng H chuyển khoản cho chị N. Đến ngày 17/10/2022 chị N đã trả thêm cho H được 01 ngày tiền lãi là 200.000 đồng, còn tiền gốc chưa trả.

Đến ngày 17/10/2022, H và chị N thỏa thuận, gộp số tiền gốc của khoản vay lần 1 và lần 3 thành 01 khoản vay mới với số tiền gốc 20.000.000 đồng, chị N trả góp cả gốc và lãi cho H mỗi ngày 2.000.000 đồng, trả trong vòng 14 ngày, chị N đã trả cho H được 4 ngày với số tiền gốc và lãi là 8.000.000 đồng (trong đó gồm 5.714.000 đồng gốc và 2.286.000 đồng lãi).

- Lần 4: Ngày 06/11/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, gộp với khoản vay lần 2 (ngày 05/9/2022) là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng, chị N trả góp cả gốc và lãi trong 90 ngày là 45.000.000 đồng, mỗi ngày là 500.000 đồng, đến ngày 28/11/2022 chị N mới góp được 18 ngày với số tiền gốc và lãi là 9.000.000 đồng (trong đó gồm 6.000.000 đồng gốc và 3.000.000 đồng lãi).

Như vậy, H đã cho chị N vay 04 lần với tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng bằng hình thức trả lãi hàng ngày và trả góp cả gốc và lãi hàng ngày với số tiền lãi là 202%, 730%, 1042%/năm, tính đến ngày 28/11/2022 số tiền chị N đã trả cho H là 11.714.000 đồng gốc, 42.286.000 đồng lãi (trong đó số tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 41.049.945 đồng và lãi 20%/năm là 1.236.055 đồng) và 6.000.000 đồng tiền phí vay do H tự quy

định. Tổng số tiền [H](#) thu lợi bất chính từ việc cho chị [N](#) vay tiền là 47.049.945 đồng.

Mặt khác, từ ngày 06/7/2022 đến ngày 15/11/2022, [Phạm Việt H](#) cho chị [Bùi Thi Tuyết A](#) vay 05 lần (ngày 06/7/2022 vay 10.000.000 đồng, ngày 09/7/2022 vay 10.000.000 đồng, ngày 01/8/2022 vay 10.000.000 đồng, ngày 13/8/2022 vay 5.000.000 đồng, ngày 15/11/2022 vay 15.000.000 đồng) với tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, bằng hình thức trả lãi mỗi ngày, lãi suất 730%/năm, tính đến ngày 27/11/2022 chị [A](#) đã trả cho [H](#) số tiền lãi là 95.800.000 đồng (trong đó số tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 93.175.342 đồng và lãi 20%/năm là 2.624.658 đồng). Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của [Phạm Việt H](#) trong việc cho chị [Lê Bảo N](#) và [Bùi Thi Tuyết A](#) vay tiền là 140.225.269 đồng.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng vào ngày 16/10/2022 [H](#) cho chị [N](#) vay thì [H](#) có cho [Nguyễn Hoàng P](#), sinh năm 1996, HKTT: [thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng](#) góp số tiền 3.200.000 đồng để cho chị [N](#) vay, đến ngày 25/11/2022 [H](#) đưa cho [P](#) 1.000.000 đồng tiền lãi thu được từ chị [Lê Bảo N](#) và sau khi vụ án bị phát hiện [P](#) đã trả lại 1.000.000 đồng cho [H](#). Do hành vi của [Nguyễn Hoàng P](#) chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự nên [Công an huyện T](#) tách ra và tiến hành các thủ tục xử phạt Vi phạm hành chính theo Nghị định 144/NĐ-CP đối với [P](#).

Đối với [Nguyễn Mạnh T1](#) không có hành vi cho vay lãi nặng và cũng không giúp sức cho [H](#) phạm tội nên Cơ quan CSĐT [Công an huyện T](#) không xử lý.

Về vật chứng: Đã thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax của [Phạm Việt H](#) sử dụng vào việc phạm tội; 03 giấy vay tiền đứng tên [Lê Bảo N](#), 14 hình ảnh in ra từ điện thoại; số tiền 50.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp để sung công và hoàn trả cho các đương sự.

Tại bản cáo trạng số 106/CT-VKS-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo [Phạm Việt H](#) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

2. Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà Nước 01 điện thoại di động của [Phạm Việt H.](#)

3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc chị [Lê Bảo N](#) phải nộp số tiền 38.286.000 đồng và chị [Bùi Thị Tuyết A](#) phải nộp số tiền 50.000.000 đồng (là số tiền gốc chị [N](#) và chị [A](#) vay chưa trả) để sung quỹ Nhà Nước.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền 11.714.000 đồng (là số tiền gốc chị [N](#) đã trả) để nộp ngân sách Nhà Nước.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi đã nhận theo quy định pháp luật là 3.860.713 đồng để nộp ngân sách Nhà Nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả số tiền 140.225.269 đồng cho chị [Lê Bảo N](#) và chị [Bùi Thị Tuyết A](#) theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/7/2022 đến ngày 15/11/2022 tại [ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#), bị cáo [Phạm Việt H](#) đã có hành vi cho chị [Lê Bảo N](#) vay 04 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) với lãi suất là 202%, 730%, 1042%/năm, tổng phí vay là 6.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 47.049.945 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng); và tại [ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai](#) bị cáo [Phạm Việt H](#) đã cho chị [Bùi Thị Tuyết A](#) vay 05 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất 730%/năm, thu lợi bất chính là 93.175.342 đồng (chín mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 140.225.269 đồng với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, hành vi của bị cáo [Phạm Việt H](#) đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả;

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; con bị cáo còn nhỏ; bị cáo tự nguyện nộp tiền sung công nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 03 giấy vay tiền đứng tên [Lê Bảo N](#), 14 hình ảnh in ra từ điện thoại là chứng cứ vụ án nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền gốc là 11.714.000đồng chị [Lê Bảo N](#) đã trả cho bị cáo, đây là khoản tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà Nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự (bị cáo đã giao nộp số tiền trên).

- Đối với số tiền gốc 38.286.000 đồng chị [Lê Bảo N](#) chưa trả cho bị cáo và số tiền gốc 50.000.000 đồng chị [Bùi Thị Tuyết A](#) chưa trả cho bị cáo, khoản tiền này là phương tiện phạm tội nên buộc chị [N](#) và chị [A](#) nộp lại để nộp ngân sách Nhà Nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với khoản tiền lãi 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã nhận từ người vay là chị [N](#) và chị [A](#) tổng cộng là 3.860.713đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà Nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự (bị cáo đã giao nộp số tiền trên).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho chị [Lê Bảo N](#) số tiền 47.049.945 đồng và trả lại cho chị [Bùi Thị Tuyết A](#) số tiền 93.175.342 đồng theo quy định tại Điều 463, 468 Bộ luật dân sự. Bị cáo đã nộp số tiền 34.425.287 đồng trả cho chị [N](#) và còn phải nộp số tiền 105.799.982 đồng để hoàn trả cho chị [N](#) và chị [A](#).

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự:

1.1 Tuyên bố bị cáo [Phạm Việt H](#) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.2 Xử phạt bị cáo [Phạm Việt H](#) 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

2. Căn cứ vào Điều 463, 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo hoàn trả cho chị [Lê Bảo N](#) số tiền 47.049.945 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Chị [N](#) được nhận số tiền bị cáo đã nộp là 34.425.287 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005086 ngày 23/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom và bị cáo còn phải hoàn trả cho chị [N](#) số tiền còn lại là 12.624.658 đồng.

Buộc bị cáo hoàn trả cho chị [Bùi Thị Tuyết A](#) số tiền 93.175.342 đồng (chín mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước 01 điện thoại di động.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/4/2023).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước số tiền gốc chị [Lê Bảo N](#) đã trả cho bị cáo là 11.714.000 đồng và tiền lãi 20%/năm theo quy định là 3.860.713 đồng, tổng cộng là 15.574.713 đồng (mười lăm triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm mười ba đồng), theo biên lai thu tiền số 0005086 ngày 23/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

- Buộc chị [Lê Bảo N](#) phải nộp lại số tiền 38.286.000 đồng (ba mươi tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà Nước.

- Buộc chị [Bùi Thị Tuyết A](#) phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà Nước.

4. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND H. Trảng Bom; tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra H. Trảng Bom;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THA, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Bích Liễu